

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn (Tiếng Anh)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Võ Thị Kim Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/07/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Triệu An, huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 55/17 Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, Thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 23 Phan Bội, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0905190029; E-mail: vtkanh@ufl.udn.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 9/1996..... đến tháng 1, năm 2002: Giảng viên tại khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.....

Từ tháng 1, năm 2002:..... đến tháng 6, năm 2005: Giảng viên tại khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Từ tháng 6, năm 2005:..... đến tháng 6, năm 2006: Học thạc sĩ tại trường Đại học Queensland, Úc

Từ tháng 6, năm 2006 đến tháng 10, năm 2016 đến tháng 10, năm 2016: Giảng viên tại khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Từ tháng 10, năm 2016 đến tháng 10, năm 2019: Học Tiến sĩ tại Universiti Malaysia Sabah, Malaysia

Từ tháng 10, năm 2019 đến nay: Giảng viên tại khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa phụ trách; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa phụ trách.....

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 0511 3699693

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 06 năm 1996; số văn bằng:05109 ; ngành: Tiếng Anh....., chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học Huế

- Được cấp bằng ThS Khoa học xã hội và nhân văn ngày 11 tháng năm 2003; số văn bằng: 013-009490.; ngành: Tiếng Anh; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 07 năm 2006; số văn bằng: 40886581- 0011211-1190-706.....; ngành: TESOL (Giảng dạy Tiếng Anh).....; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Queensland, Úc.....

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 12 năm 2020; số văn bằng: UMS220015; ngành: TESL (Giảng dạy Tiếng Anh như ngôn ngữ 2).....; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Malaysia Sabah, Malaysia.....

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS..... tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS..... tại HĐGS ngành, liên ngành: Giáo dục học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Giảng dạy tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh (CNTT)
- Đánh giá giáo dục
- Ngôn ngữ, văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **02** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: **02** cấp: **01** đề tài cấp Đại học ngoại ngữ, **01** đề tài cấp Đại học Đà Nẵng (mã bộ)
- Đã công bố (số lượng) **28** bài báo khoa học, trong đó **09** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **01**, trong đó **01**..... thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của hiệu trưởng trường ĐHNN vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề án ngoại ngữ quốc gia năm 2015. QĐ số 24/QĐ-ĐHNN ngày 06/01/2016.
 - 2020-2021: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. 686/QĐ-ĐHNN
 - 2021-2022: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022. QĐ số 1106/ QĐ_ĐHNN ngày 27/07/2022.
 - Giấy khen của Ban chấp hành CĐ trường Đại học Ngoại ngữ vì đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động CĐ năm học 2022-2023. QĐ số 44/QĐKT-CĐ ĐHNN ngày 26 tháng 06 năm 2023.
 - Giải nhì giải thưởng “Hoạt động Khoa học và Công nghệ xuất sắc” năm học 2021-2022, trường Đại học Ngoại Ngữ. QĐ số 1942 QĐ-ĐHNN ngày 29/11/2022.
 - Bằng khen của Bộ trưởng bộ GDĐT tặng vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục 2020-2021, 2021-2022. QĐ số: 3693QĐ-BGGDDT ngày 15/11/2022.
 - Bằng khen của giám đốc ĐHĐN đã đạt thành tích xuất sắc năm học 2022-2023. QĐ số: 3805-ĐHĐN ngày 31/8/2023.
 - Giấy khen của Ban chấp hành công đoàn trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giỏi việc nước đảm việc nhà giai đoạn 2021-2023. QĐ số: 06-QĐ-CDĐHNN ngày 02/03/2024.
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tiêu chuẩn nhà giáo: Ứng viên đáp ứng được các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019, bao gồm phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt; đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm; có khả năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019 bao gồm giảng dạy có chất lượng theo mục tiêu và nguyên lý Giáo dục; luôn gương mẫu thực hiện nhiệm vụ công dân, quy định của nhà trường và các quy tắc ứng xử của nhà

giáo; giữ gìn phẩm chất, uy tín của nhà giáo, đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi chính đáng của người học; nâng cao phẩm chất, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 25 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015					398 giờ		398 giờ/477,6 giờ/270 giờ
2	2015-2016					378 giờ		378 giờ / 589 giờ/ 270 giờ
3	2020-2021			01		528 giờ		528 giờ /707 giờ/ 189 giờ
03 năm học cuối								
4	2021-2022				02	375 giờ		375 giờ / 670,2 giờ / 189 giờ
5	2022-2023			01	01	445,66 giờ		445,66 giờ/716,05 giờ / 189 giờ
6	2023-2024			03	01	412,6 giờ		412,6 giờ /542,8 giờ / 189 giờ

Ghi chú: Từ 10/2016-10/2019: Ứng viên đi học nghiên cứu sinh tại trường Đại học Malaysia Sabah theo đề án 911 và không tham gia giảng dạy.

Ứng viên được bổ nhiệm làm Phó trưởng khoa năm 2020 và định mức giờ giảng là $70\% \times 270 = 189$ giờ

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: - Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm- Học ThS tại nước: Úc năm: 2006.....

- Bảo vệ luận án TS (chương trình học bằng Tiếng Anh); tại nước: Malaysia năm: 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK 2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Bảo Thoa		HVCH	X		2020-2021	Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	402/QĐ-ĐHNN ngày 23/03/2022
2	Lê Thị Lại		HVCH	X		2022-2023	Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	871/QĐ-ĐHNN ngày 20/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	CIPP Model and Its Application to Evaluate an English Teacher Education Program in Vietnam	Sách chuyên khảo	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội 2024	01	Võ Thị Kim Anh	Tác giả duy nhất	2128/QĐ-ĐHNN Ngày 13/6/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Xây dựng khóa học mẫu cho giáo trình Life trên trang web Myelt	CN	T2016-05-02 Cấp Đại học ngoại ngữ	2016	1179/QĐ-ĐHNN-KH Ngày 27, tháng 12, năm 2016 Xếp loại: Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu khả năng thích ứng của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	CN	B2021-DN05-01 Cấp ĐHDN-Mã bộ	2021-2024	62QĐ-QKHCN Ngày 15, tháng 12, năm 2023 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
Tạp chí trong nước								
1	Self-Editing: An effective way to develop writing skill	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531			6(23)	2007

2	Who is better? Native language teachers or Non- native language teachers?	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531			3(20) 1-5	2007
3	Liệu học tập mang tính hợp tác có phù hợp với sinh viên Việt Nam?	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531			6 (41) 207- 211	2010
4	Pragmatics functions of conditional sentences	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531			5(40)- 1-6	2010
5	Sử dụng E-learning như một công cụ hỗ trợ phát triển kỹ năng viết ở khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531	1		4(89)	2015
6	Thiết kế xây dựng và đánh giá việc sử dụng khóa học trực tuyến trên Website Myelt cho giáo trình Life cấp độ B1	1	X	Tạp chí khoa học ngoại ngữ. Trường Đại học Hà Nội ISSN: 1859-2503			51 53-64	2017
7	Evaluation models in educational program: Strengths and weaknesses	1	X	VNU Journal of Foreign Studies ISSN: 2525-2445 https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4252	84		34(2) 140- 149	2018
Tạp chí quốc tế								
8	Evaluating the implementation of Action Research course in an in- service	1	X	Journal of Nusantara Studies ISSN: 0127-9319 eISSN: 0127-9386 Tạp chí của Universiti Sultan Zainal Abidin, Malaysia https://doi.org/10.24200/jonus.vol2iss2pp88-97	ESCI	18	2(2), 88-97	2017

9	Teaching practicum of an English teacher education program in Vietnam: From expectations to reality	3	X	Journal of Nusantara Studies ISSN: 0127-9319 eISSN: 0127-9386 Impact factor: 0,5 Tạp chí của Universiti Sultan Zainal Abidin, Malaysia https://doi.org/10.24200/jonus.vol3iss2pp32-40	ESCI	28	3(2) 32-40	2018
II Sau khi được công nhận TS								
Tạp chí trong nước								
10	English teachers' readiness for emergency online teaching during Covid-19 pandemic in Vietnam	01	X	VNU Journal of Foreign Studies ISSN: 2525-2445 https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4850			21(6) 153-164	2022
11	English teachers' perceptions towards their ability to support students' online learning during COVID-19 pandemic in Vietnam.	04	X	Tạp chí khoa học ngoại ngữ quân sự ISSN: 2525-2232			38 130-142	2022
12	English-majored students' self-control over their online learning.	01	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHQĐN ISSN: 1859-1531 https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/8150			21(2) 14-18	2023
13	Study habits of English-majored students: A case study in Vietnam	02	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHQĐN ISSN: 1859-1531 https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/8686			21(12, 2), 49-54	2023
14	Conceptual metaphor of Fear in English and Vietnamese news reports on COVID-19 pandemic	02		Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống			11B, 119-128	2023

15	Students' cultural intelligence: A case study in a Vietnamese University	01	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531 https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/9229			22 (5A) 111-115	2024
16	Applying CIPP model to evaluate the implementation of an international internship in a Vietnamese University	01	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHDN ISSN: 1859-1531			22 (6B) 45-49	2024
17	Lexical collocation errors made by 4th year English-majored students	02		Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống			Số 6B (355) 142-153	2024
Tạp chí quốc tế								
18	A need assessment for the improvement of English teacher education programs in Vietnam	03	X	Journal of Institutional Research (South East Asia) – JIRSEA ISSN 1675-6061 CiteScore: 0,5 http://www.seairweb.info/journal/articles/JIRSEA_v18_n01/JIRSEA_v18_n01_Article04.pdf	SCOPUS Q4	1	18	2020
19	Evaluating Vietnam's pre-service English teacher education program for technology integration in education	03	X	CALL-EJ (Computer-assisted language learning electronic journal) ISSN: 2187-9036 CiteScore: 3.8 https://callej.org/index.php/journal/article/view/308	SCOPUS Q1	7	21 (3) 8-22	2020
20	The application of CIPP model to evaluate online teaching for English majored programs in Vietnam during the Covid-19 pandemic	02	X	Journal of Institutional Research (South East Asia) – JIRSEA ISSN 1675-6061 CiteScore: 0,5 http://www.seairweb.info/journal/articles/JIRSEA_v19_n02/JIRSEA_v19_n02_Article07.pdf	SCOPUS Q4	6	19(2) 146-165	2021

21	Vietnamese Secondary Teachers' Responses to Emergency Online Teaching	01	X	International Journal on E-Learning Practices eISSN: 2600-7886 Tạp chí của Trường ĐH Malaysia Sabah, Malaysia https://doi.org/10.51200/ijelp.v4i.3422	Tạp chí quốc tế		4 33-40	2021
22	An investigation into factors influencing UFLS third year students' motivation in studying translation and interpreting online	04	X	International Journal on E-Learning Practices eISSN: 2600-7886 Tạp chí của Trường ĐH Malaysia Sabah, Malaysia https://doi.org/10.51200/ijelp.v5i.4102	Tạp chí quốc tế		5, 75-87	2021
23	English teachers' attitudes and challenges in facing immediate online teaching: A case study in Vietnam	01	X	Journal of Nusantara Studies ISSN: 0127-9319 eISSN: 0127-9386 Impact factor: 0,5 Tạp chí của Universiti Sultan Zainal Abidin, Malaysia https://doi.org/10.24200/jonus.vol7iss2pp495-511	ESCI	6	7(2) 495-511	2022
24	Students' perception towards the application of peer assessment in a virtual writing classes	02	X	Journal of University Teaching and Learning Practice ISSN: 1449-9789 Tạp chí của Trường Đại học Wollongong, Úc CiteScore: 3,6 https://open-publishing.org/journals/index.php/jutlp/article/view/633	ESCI SCOPUS Q2		20(2).	2023
25	E-exams in Vietnam's higher education: Students' Efficacy, and Attitudes	01	x	AsiaCall Online ISSN 1936-9859 https://doi.org/10.54855/coj.231425	Tạp chí quốc tế	1	14(2)	2023

26	English-majored students' self-directed learning in virtual learning environment	01	X	International Journal of Management and Applied Science 2394-7926 http://www.ijmas.iraj.in/paper_detail.php?paper_id=20278&name=English-Majored_Students%E2%80%99_Self-Directed_Learning_in_Virtual_Learning_Environment	Tạp chí quốc tế		9(10). 11-15	2023
27	Generative Artificial Intelligence and ChatGPT in Language Learning: EFL Students' Perceptions of Technology Acceptance	02	X	Journal of University Teaching and Learning Practice ISSN: 1449-9789 Tạp chí của Trường Đại học Wollongong, Úc CiteScore: 3,6 https://open-publishing.org/journals/index.php/jutlp/article/view/811/770	SCOPUS Q2		21(6)	2024
28	EFL learners' readiness and challenges for immediate online learning: A case study in Vietnam	03	X	Journal of Institutional Research (South East Asia) – JIRSEA ISSN 1675-6061 CiteScore: 0,5 https://www.seairweb.info/journal/articles/	SCOPUS Q4		May/June 22(1)	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính (Tác giả đứng đầu) sau PGS/TS: 07 (18, 19, 20, 23, 24, 27, 28)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kim Anh